



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - P. Phú Thọ - Tp. TDM - Tỉnh Bình Dương
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 - Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmtd@gmail.com



BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: **NC 02/16.09.2024**

Ngày phát hành kết quả: 21/09/2024

- Tên khách hàng: **Chi nhánh Cấp nước Dầu Tiếng**
- Tên mẫu: Nước đã xử lý - Bể chứa Dầu Tiếng
- Địa chỉ: Khu phố 4B, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.
- Ngày lấy mẫu: 16/09/2024 Ngày phân tích: 16/09/2024
- Tình trạng mẫu: Mẫu nước chứa trong 2 bình 1 lít, nước trong, không màu, không mùi vị lạ.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Coliform tổng	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 3	0
2	E. coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213-B:2023	< 1	0
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	< 1	0
5	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114-B:2023	≤ 0,01	KPH (LOD = 0,001)
6	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-CI:2023	0,2 – 1,0	0,5
7	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,6
8	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	2
9	Mùi vị	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
10	Độ pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	6,29
11	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)* (tính theo N)	mg/L	HACH Method 8038	≤ 0,3	KPH (LOD = 0,04)
12	Chỉ số Pecmanganat*	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996	≤ 2	KPH (LOD = 0,17)
13	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	5
14	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	0,02
15	Độ cứng tổng cộng	mg/L CaCO ₃	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	18

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm
16	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,01
17	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	0,08
18	Hàm lượng Nhôm (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,02
19	Hàm lượng Nitrate (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 2	0,8
20	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻)* (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178-1996	≤ 0,05	KPH (LOD = 0,01)
21	Hàm lượng Sắt tổng (Fe _{tc})*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	0,02
22	Hàm lượng Sunphate (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	2,33
23	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	37

* **Nhận xét:** Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2018/BYT.

* **Ghi chú:**

- + QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- + KPH: Không phát hiện.
- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc



Giám Đốc

Mai Thị Đẹp